

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 420 /CTBRV-TTHT  
V/v chính sách thuế.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh thép Việt Nhật.  
Địa chỉ: đường D20, KCN Châu Đức, thôn Hữu Phước, xã Suối Nghệ,  
huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Mã số thuế: 3502438466.

Trả lời văn bản số 040124/CV-CT ngày 04/01/2024 (Cục Thuế nhận ngày 05/01/2024 theo phiếu chuyển số 23/PC-TCT ngày 05/01/2024 của Tổng cục Thuế) của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh thép Việt Nhật (Công ty) về việc giảm giá hàng bán và xác định hàng hóa xuất khẩu, Cục Thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

- Tại Điều 10 quy định bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung ứng dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại đã thông báo (khuyến mại bằng hình thức giảm giá):

*“1. Trong trường hợp thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá thì mức giảm giá hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại trong thời gian khuyến mại tại bất kỳ thời điểm nào phải tuân thủ quy định tại Điều 7 Nghị định này.*

*2. Không được giảm giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ trong trường hợp giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện Nhà nước định giá cụ thể.*

*3. Không được giảm giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ xuống thấp hơn mức giá tối thiểu trong trường hợp giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ thuộc diện Nhà nước quy định khung giá hoặc quy định giá tối thiểu.*

*4. Nghiêm cấm việc lợi dụng hình thức khuyến mại này để bán phá giá hàng hóa, dịch vụ.*

*5. Tổng thời gian thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá đối với một loại nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ không được vượt quá 120 ngày trong một năm, không bao gồm thời gian thực hiện khuyến mại của các chương trình khuyến mại bằng hình thức giảm giá trong khuôn khổ các chương trình khuyến mại tập trung và các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.”;*

- Tại Điều 16 quy định nghĩa vụ của thương nhân thực hiện khuyến mại:

*“1. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị định này:*

*a) Thông báo, đăng ký thực hiện khuyến mại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;*

*b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về chương trình khuyến mại (trừ trường hợp thuê thương nhân kinh doanh dịch vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị định này);*

c) Cung cấp cho khách hàng, các thương nhân phân phối và các bên liên quan đầy đủ, chính xác và rõ ràng các nội dung thông tin phải thông báo công khai theo quy định tại Điều 97 Luật thương mại;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 96 Luật thương mại và Nghị định này.

2. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị định này:

a) Các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 96 Luật thương mại và Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng đối với các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng dịch vụ khuyến mại.

- Tại Điều 17 quy định thông báo hoạt động khuyến mại:

"1. Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại đến tất cả các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại (tại địa bàn thực hiện khuyến mại) trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Khoản 8 Điều 92 Luật thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định này. Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Sở Công Thương tối thiểu trước 03 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, căn cứ theo thời gian ghi nhận trên hệ thống thư điện tử hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại khi khuyến mại theo các hình thức quy định tại Khoản 8 Điều 92 Luật thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định này:

a) Thương nhân thực hiện các chương trình khuyến mại quy định tại Khoản 1 Điều này có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng;

b) Thương nhân chỉ thực hiện bán hàng và khuyến mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến.

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức thông báo sau:

a) Nộp 01 hồ sơ thông báo qua đường bưu điện đến các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

b) Nộp 01 hồ sơ thông báo trực tiếp tại trụ sở các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

c) Nộp 01 hồ sơ thông báo qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Thông báo thực hiện khuyến mại có chữ ký và đóng dấu của thương nhân đến địa chỉ thư điện tử đã được các Sở Công Thương công bố;

d) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do Sở Công Thương cung cấp.

4. Hồ sơ thông báo bao gồm 01 Thông báo thực hiện khuyến mại theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Nội dung thông báo thực hiện khuyến mại bao gồm:

- a) Tên thương nhân thực hiện khuyến mại;
- b) Tên chương trình khuyến mại;
- c) Địa bàn thực hiện khuyến mại (các tỉnh, thành phố nơi thương nhân thực hiện khuyến mại);
- d) Hình thức khuyến mại;
- đ) Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;
- e) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (giải thưởng, quà tặng);
- g) Thời gian thực hiện khuyến mại;
- h) Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại);
- i) Cơ cấu giải thưởng và tổng giá trị giải thưởng của chương trình khuyến mại;
- k) Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại.

l) Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại thì phải nêu rõ tên của các thương nhân cùng thực hiện, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình.

6. Thông tin về chương trình khuyến mại mà thương nhân đã thông báo phải được cơ quan quản lý nhà nước công khai bằng các hình thức phù hợp (văn bản, trang tin điện tử hoặc các hình thức khác có tác dụng tương đương) và không sớm hơn thời gian bắt đầu của chương trình khuyến mại. Nội dung thông tin phải công khai bao gồm:

- a) Tên thương nhân thực hiện;
- b) Nội dung chi tiết chương trình;
- c) Thời gian thực hiện khuyến mại;
- d) Địa bàn thực hiện khuyến mại.

...”;

Căn cứ khoản 3 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; quy định áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ:

“3. Quy định về áp dụng hóa đơn điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý đối với một số trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý như sau:

...

c) Cơ sở kinh doanh kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu) khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng điện tử.

Khi xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất khẩu.

...”;

Căn cứ khoản 33 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số

38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

*“33. Khoản 1 và khoản 3 Điều 53 được sửa đổi, bổ sung như sau:*

*“1. Đối với hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu đường biển, đường hàng không, đường sắt, đường thủy nội địa, cảng chuyển tải, khu chuyển tải; hàng hóa cung ứng cho tàu biển, tàu bay xuất cảnh; hàng hóa xuất khẩu được vận chuyển cùng với người xuất cảnh qua cửa khẩu hàng không; hàng hóa xuất khẩu đưa vào kho CFS; hàng hóa xuất khẩu đưa vào ICD là tờ khai hải quan xuất khẩu đã được xác nhận thông quan và được xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát trên Hệ thống khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải xuất cảnh. Riêng đối với hàng hóa xuất khẩu đưa vào kho ngoại quan là tờ khai hải quan xuất khẩu đã được xác nhận thông quan và được xác nhận hàng đã đưa vào kho ngoại quan trên Hệ thống.*

*...”.*

Căn cứ các quy định trên:

- Về việc giảm giá hàng bán được quy định tại Điều 10, Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ. Nếu Công ty thực hiện giảm giá hàng bán thì phải đáp ứng quy định nêu trên. Trường hợp Công ty không đáp ứng quy định thì không được áp dụng khuyến mại bằng hình thức giảm giá.

- Về việc lập hóa đơn đối với hàng hóa xuất khẩu phải thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ nêu trên. Khi xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất khẩu. Về việc xác định hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục xuất khẩu thì căn cứ quy định tại khoản 33 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để thực hiện.

Cục Thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thông báo để Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh thép Việt Nhật được biết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng TTKT2;
- Phòng NVDTTC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT. (5b)

**KT. CỤC TRƯỞNG**

**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Trần Hiệp Hưng**